

Số/No:.....26/TN5/2139-02

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1731

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R1 - Khí thải ABS Line 1.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 11/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 11/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	27,2
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	5,90
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	10,8
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	3,74
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	< 15,0
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	41.890
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	20,3
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,6

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2139-03

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1732

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R1 - Khí thải ABS Line 2.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 11/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 11/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	7,01
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	3,04
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	7,99
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	< 15,0
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	37.088
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	10,5
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,6

Ghi chú:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2115-02

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1727

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 3.1.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 10/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	7,50
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	< 3,0
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	9,36
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	< 15,0
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	24.569
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,25
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,4

Ghi chú/:

- **QCVN 20:2009/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- **KPH**: Không phát hiện; **GHPH**: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo **QCVN 19:2009/BTNMT** – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2115-03.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1728

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 3.2.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 10/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	3,27
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	3,46
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	< 3,0
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	14,0
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	< 15,0
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	22.288
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,11
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,3

Ghi chú/:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2139-01

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2026/1730KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 4.1.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 11/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 11/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	KPH (GHPH = 1,0)
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	< 15,0
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	87.156
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	20,4
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,2

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2115-01.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1726

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải ABS Line 4.2.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 10/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	KPH (GHPH = 1,0)
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	5,13
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	< 15,0
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	34.638
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	3,22
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,2

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2115-04

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1729

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 2R2 - Khí thải SPC.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 10/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 10/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	KPH (GHPH = 1,0)
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	KPH (GHPH = 1,0)
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	KPH (GHPH = 1,0)
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	KPH (GHPH = 5,0)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	15.544
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	2,83
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,4

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 1
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2206-02

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1743

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 4R - Khí thải phòng sơn sắt 1.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 17/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	< 3,0
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	< 3,0
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	< 3,0
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	KPH (GHPH = 5,0)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	92.554
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,02
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	26,7

Ghi chú/:

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
- *: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2206-03.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1744

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: PA 4R - Khí thải phòng sơn sắt 2.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 17/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 17/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 20:2009 /BTNMT	Kết quả
1	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 5	KPH (GHPH = 1,0)
2	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 750	12,8
3	Xylene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 870	4,31
4	n-Hexane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 450	KPH (GHPH = 1,0)
5	n-Heptane	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 2000	3,94
6	Ethylacetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	≤ 1400	KPH (GHPH = 1,0)
7	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 200 *	KPH (GHPH = 5,0)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	113.018
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	6,01
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	27,6

Ghi chú:
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện;
*: Áp theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2162-01

Trang/Page:.....1/1

VIMCERTS 093/2026/1733

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải dây chuyền hàn 1,2&3 WE 2R1.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 12/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 12/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	1,14
4	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0
6	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	65.322
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	4,99
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,3

Ghi chú: - QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2184-01

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1737

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải dây chuyền hàn 4&5 WE 2R2.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 13/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 13/08/2026 đến ngày/To: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	5,19
3	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
4	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0,873
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,188
6	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	72.418
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	9,86
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	28,6

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2184-02

Trang/Page: 1/1

VIMCERTS 093/2026/1738

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Khí thải dây chuyền hàn 6&7 WE 2R2.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 13/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 13/08/2026 đến ngày/To: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	≤ 32	KPH (GHPH = 0,50)
3	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	1,14
4	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
5	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	2,51
6	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
7	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	0,114
8	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	71.052
9	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	9,50
10	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	29,9

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2162-02

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2026/1734KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: DC - Khí thải lò nung nhôm 1000kg.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 12/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 12/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15,0
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	5,20
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	8.554
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,973
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	91,0

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026
GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2162-03

Trang/Page:.....1/1
VIMCERTS 093/2026/1735KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: DC - Khí thải lò nung nhôm 2000kg.
2. Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
3. Ngày lấy mẫu: 12/08/2026.
4. Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 12/08/2026 đến ngày: 21/09/2026.
5. Ngày hoàn thành: 21/09/2026.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	KPH (GHPH = 5,0)
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	1,52
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,94
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	13.154
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	1,80
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	70,3

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN5/2184-03

Trang/Page: 1/1
VIMCERTS 093/2026/1739KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: **Piston - Khí thải lò nung nhôm.**
2. Khách hàng: **Công ty Honda Việt Nam.**
3. Ngày lấy mẫu: **13/08/2026.**
4. Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 13/08/2026 đến ngày/To: 21/09/2026.**
5. Ngày hoàn thành: **21/09/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	< 15,0
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	0
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	0
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,125
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	9.661
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	9,05
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	34,5

Ghi chú:
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- KPH: Không phát hiện; GHPH: giới hạn phát hiện.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN5/2193-02.....

Trang/Page:.....1/1.....

VIMCERTS 093/2026/1741

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: **Khí thải HFQ.**
2. Khách hàng: **Công ty Honda Việt Nam.**
3. Ngày lấy mẫu: **14/08/2026.**
4. Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 14/08/2026 đến ngày/To: 21/09/2026.**
5. Ngày hoàn thành: **21/09/2026.**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 19:2009 /BTNMT - cột B (Kv = 0,8; Kp = 0,8)	Kết quả
1	Bụi/Dust	mg/Nm ³	US EPA Method 5	≤ 128	68,4
2	CO	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 640	2,28
3	SO ₂	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 320	2,62
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	TN5/HD.HT/31	≤ 544	0,064
5	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	≤ 4,8	KPH (GHPH = 1,0)
6	Pb	mg/Nm ³	US EPA Method 29	≤ 3,2	KPH (GHPH = 0,01)
7	Lưu lượng khí thải	Nm ³ /h	US EPA Method 2	-	1.594
8	Áp suất	mm H ₂ O	TN5/HD.HT/02	-	0,498
9	Nhiệt độ	°C	TN5/HD.HT/02	-	30,6

Ghi chú:
- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- **KPH:** Không phát hiện; **GHPH:** giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.